

GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO SINH VIÊN CÁC NGÀNH SƯ PHẠM

Nguyễn Bá Ngọc

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu thực trạng nhận thức và hành vi của sinh viên năm nhất các ngành sư phạm tại Trường Đại học Giáo dục về giáo dục môi trường và phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tích hợp hiệu quả nội dung này vào chương trình đào tạo giáo viên, đồng thời khảo sát mức độ khả thi của các giải pháp từ góc nhìn người học. Kết quả khảo sát với 395 sinh viên cho thấy phần lớn có nhận thức tích cực về vai trò của giáo dục môi trường, song hành vi ứng xử môi trường còn chưa tương xứng. Các giải pháp như tích hợp nội dung môi trường vào học phần chuyên môn, tổ chức hoạt động ngoại khóa, và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy được đánh giá có tính khả thi cao. Từ đó, bài báo đề xuất một số kiến nghị thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường trong các cơ sở đào tạo giáo viên.

Từ khóa: Giáo dục môi trường; phát triển bền vững; sinh viên sư phạm; tính khả thi; giải pháp giáo dục.

ENVIRONMENTAL EDUCATION AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT FOR STUDENTS IN TEACHER TRAINING PROGRAMS

Nguyen Ba Ngoc

Faculty of Education, VNU University of Education

Abstract: This paper investigates the awareness and behavior of first-year students in pedagogical majors at the University of Education regarding environmental education and sustainable development. Based on this, the authors propose several solutions to effectively integrate this content into teacher training programs, and also survey the feasibility of these solutions from the students' perspective. A survey of 395 students shows that the majority have a positive perception of the role of environmental education, but their environmental behavior is not yet commensurate. Solutions such as integrating environmental content into specialized modules, organizing extracurricular activities, and applying technology in teaching are rated as highly feasible. From this, the paper proposes some practical recommendations to improve the effectiveness of environmental education in teacher training institutions.

Keywords: Environmental education; sustainable development; pedagogical students; feasibility; educational solutions.

Nhận bài: 27/06/2025

Phản biện: 18/07/2025

Duyệt đăng: 23/07/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, giáo dục môi trường và phát triển bền vững (PTBV) trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu của giáo dục thế giới và Việt Nam. Tổ chức UNESCO nhấn mạnh rằng giáo dục vì sự phát triển bền vững (Education for Sustainable Development – ESD) là chìa khóa để giúp người học phát triển năng lực tư duy phản biện, hành động có trách nhiệm và ứng xử hài hòa với môi trường (UNESCO, 2017).

Ở Việt Nam, giáo dục môi trường đã được đưa vào trong nhiều chính sách lớn như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về PTBV, và gần đây là các yêu cầu tích hợp trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tuy nhiên, trong giáo dục đại học nói chung và đào tạo giáo viên nói riêng, giáo dục môi trường vẫn chưa được triển khai một cách hệ thống, nhất là trong những năm học đầu tiên của sinh viên (Nguyễn Thị Hồng Minh, 2021).

Sinh viên các ngành sư phạm chính là lực lượng giáo viên tương lai – những người đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa tri thức và hình thành ý thức bảo vệ môi trường cho các thế hệ sau. Do đó, việc trang bị cho họ kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn về môi trường và PTBV ngay từ những năm đầu đại học là điều cấp thiết. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên thường có nhận thức tích cực nhưng thiếu hành vi cụ thể và thực hành bảo vệ môi trường (Trần Văn Nam, 2022).

Từ thực tiễn đó, bài báo này hướng đến ba mục tiêu chính: (1) Khảo sát thực trạng nhận thức và hành vi của sinh viên năm nhất các ngành sư phạm về giáo dục môi trường và phát triển bền vững; (2) Đề xuất các giải pháp tích hợp giáo dục môi trường vào chương trình đào tạo sư phạm; và (3) Đánh giá mức độ khả thi của các giải pháp từ góc nhìn của sinh viên. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ góp phần hoàn thiện chính sách và thực tiễn triển khai giáo dục môi trường trong các cơ sở đào tạo giáo viên tại Việt Nam.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên và bất bình đẳng xã hội, giáo dục môi trường và phát triển bền vững đã trở thành một trụ cột thiết yếu trong hệ thống giáo dục hiện đại. Theo Tuyên bố Tbilisi của UNESCO (1977), giáo dục môi trường là một quá trình học tập toàn diện nhằm hình thành ở người học sự hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên – xã hội, đồng thời phát triển các giá trị, kỹ năng và hành vi cần thiết để giải quyết các vấn đề môi trường trong hiện tại và tương lai. Palmer (1998) cho rằng giáo dục môi trường không nên chỉ giới hạn ở việc truyền thụ kiến thức lý thuyết, mà cần tạo ra những chuyển biến trong ý thức, cảm xúc, giá trị và hành động thực tiễn của người học. Việc này đòi hỏi người học phải được tham gia vào quá trình học tập tích cực, trải nghiệm thực tiễn và phản tư phê phán – từ đó hình thành khả năng giải quyết vấn đề và hành động có trách nhiệm.

Song song với giáo dục môi trường là khái niệm phát triển bền vững, vốn được định hình rõ nét trong Báo cáo Brundtland của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED, 1987). Theo đó, phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững không chỉ gắn với bảo vệ môi trường, mà còn tích hợp các trụ cột khác như phát triển kinh tế công bằng, công lý xã hội, và quản trị tốt. Trên cơ sở đó, UNESCO (2017) đã phát triển khung giáo dục vì sự phát triển bền vững (Education for Sustainable Development – ESD), nhấn mạnh đến việc giáo dục cần trang bị cho người học năng lực tư duy hệ thống, khả năng nhìn nhận các vấn đề dưới góc độ liên ngành và toàn cầu, từ đó có thể hành động phù hợp trong những tình huống phức tạp và bền vững.

ESD không được xem là một môn học độc lập mà là một phương pháp tiếp cận liên ngành, xuyên môn, tích hợp trong toàn bộ chương trình học. UNESCO (2017) đề xuất tám nhóm năng lực cốt lõi trong ESD gồm: năng lực tư duy hệ thống, tư duy phản biện, năng lực dự báo, năng lực hợp tác, năng lực hành động thay đổi, nhận thức giá trị, tự nhận thức và tích hợp kiến thức đa ngành. Những năng lực này không chỉ hỗ trợ người học thích ứng với môi trường sống đang biến đổi nhanh chóng, mà còn giúp họ chủ động

tham gia vào quá trình xây dựng cộng đồng bền vững. Từ góc độ sư phạm, việc phát triển các năng lực ESD cần được tiến hành sớm, nhất là trong giai đoạn đào tạo giáo viên – những người có vai trò then chốt trong việc lan tỏa tư tưởng phát triển bền vững đến thế hệ học sinh sau này.

Sterling (2001) chỉ ra rằng nếu giáo dục truyền thống chủ yếu theo hướng chuyên giao tri thức một chiều thì giáo dục phát triển bền vững cần theo hướng chuyển hóa – tức là thay đổi cách suy nghĩ, cách học và cách sống của người học. Đối với sinh viên sư phạm, ESD không những giúp họ phát triển nhận thức và hành vi cá nhân bền vững, mà còn trang bị cho họ năng lực lồng ghép các chủ đề môi trường và phát triển bền vững vào bài giảng, vào các hoạt động giáo dục trong tương lai. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy việc tích hợp ESD vào đào tạo giáo viên hiện nay còn gặp nhiều rào cản như: nội dung phân tán, thiếu tính hệ thống; giảng viên chưa được đào tạo chuyên sâu; sinh viên thiếu cơ hội tham gia thực hành và trải nghiệm thực tế (Nguyễn Thị Hồng Minh, 2021; Trần Văn Nam, 2022).

Ở Việt Nam, mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chủ trương lồng ghép giáo dục môi trường và phát triển bền vững vào chương trình đào tạo giáo viên, song thực tiễn triển khai còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở hình thức tuyên truyền, chưa chú trọng phát triển năng lực hành động và chuyển đổi hành vi. Sinh viên sư phạm – đặc biệt là sinh viên năm nhất – tuy có nhận thức tích cực về vai trò của môi trường nhưng lại thiếu cơ hội tham gia vào các hoạt động học tập trải nghiệm, các dự án cộng đồng hoặc nghiên cứu hành động có liên quan. Điều này làm cho khoảng cách giữa tri thức và hành vi ngày càng lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục môi trường trong dài hạn.

Do đó, việc xây dựng cơ sở lý luận vững chắc về giáo dục môi trường và phát triển bền vững, đồng thời đánh giá thực trạng nhận thức, hành vi và mức độ khả thi của các giải pháp sư phạm từ chính góc nhìn của sinh viên – những người sẽ trở thành giáo viên trong tương lai – là hết sức cần thiết. Đó không chỉ là tiền đề cho việc cải tiến chương trình đào tạo sư phạm theo hướng tích hợp, mà còn góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) mà Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng kết hợp định tính nhằm khảo sát thực trạng nhận

thức, hành vi môi trường và mức độ khả thi của các giải pháp giáo dục môi trường đối với sinh viên sư phạm. Đối tượng khảo sát gồm 395 sinh viên năm nhất thuộc các ngành đào tạo giáo viên tại Trường Đại học Giáo dục, được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

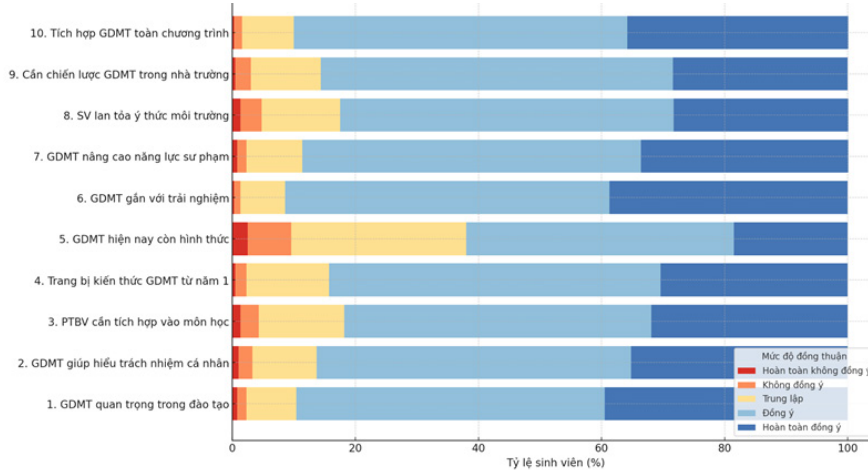
Dữ liệu được thu thập qua bảng hỏi cấu trúc gồm ba phần: (1) nhận thức về giáo dục môi trường và phát triển bền vững; (2) hành vi bảo vệ môi trường; (3) đánh giá tính khả thi của các giải pháp đề xuất. Các câu hỏi sử dụng thang đo Likert

5 mức độ. Bảng hỏi được kiểm định sơ bộ với hệ số Cronbach's Alpha > 0,80.

Ngoài ra, dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26.0 với các kỹ thuật thống kê mô tả, phân tích độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả khảo sát được đối chiếu với dữ liệu phỏng vấn để đảm bảo tính toàn diện và khách quan cho nghiên cứu.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Nhận thức của sinh viên về giáo dục môi trường và phát triển bền vững



Kết quả khảo sát thể hiện qua biểu đồ cho thấy sinh viên năm nhất các ngành sư phạm có phần lớn sinh viên lựa chọn mức “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đối với các phát biểu khảo sát, với tổng tỷ lệ dao động từ 70% đến gần 90%. Đáng chú ý “Giáo dục môi trường là nội dung quan trọng trong đào tạo giáo viên” nhận được mức độ đồng thuận cao nhất (89,6%), cho thấy sinh viên ý thức rõ về tầm quan trọng của việc trang bị tri thức và năng lực môi trường trong quá trình đào tạo nghề nghiệp. Các nhận thức như “Giáo dục môi trường nên gắn với hoạt động thực tiễn và học tập trải nghiệm” (91,4%) và “Giáo dục môi trường cần được tích hợp trong tất cả các học phần” (90,1%) cũng nhận được tỷ lệ đồng thuận rất cao, phản ánh xu hướng ủng hộ mạnh mẽ việc tích hợp nội dung môi trường một cách hệ thống và gắn với hành động thực tế.

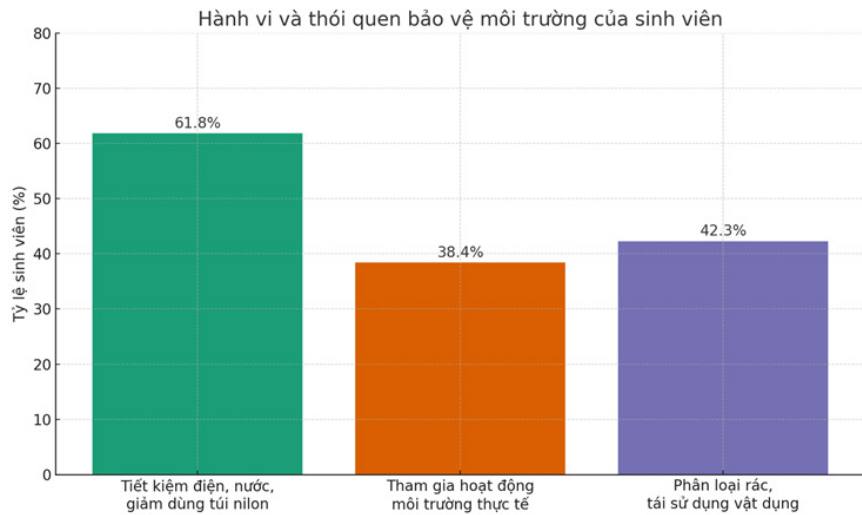
Tuy nhiên, cũng có một số tỷ lệ đánh giá của sinh viên chọn mức “Trung lập” ở mức tương đối, đặc biệt là “Nội dung giáo dục môi trường hiện nay còn hình thức, thiếu thực chất” (28,4%), cho thấy sinh viên chưa thực sự hài lòng với cách thức triển khai giáo dục môi trường hiện hành. Mức độ phản đối (tổng hợp mức “Không đồng ý” và

“Hoàn toàn không đồng ý”) nhìn chung rất thấp ở tất cả các phát biểu (dưới 5%), thể hiện sự thống nhất cao về mặt nhận thức trong toàn bộ đối tượng khảo sát.

Nhìn chung, kết quả này cho thấy sinh viên sư phạm có nền tảng nhận thức tốt về giáo dục môi trường và phát triển bền vững. Đây là yếu tố thuận lợi để các cơ sở đào tạo giáo viên xây dựng và triển khai các nội dung giáo dục môi trường theo hướng tích hợp, liên ngành, kết nối với thực tiễn nhằm hình thành tư duy và hành vi bền vững cho đội ngũ giáo viên tương lai.

4.2. Hành vi và thói quen bảo vệ môi trường của sinh viên

Để tìm hiểu mức độ thực hành bảo vệ môi trường của sinh viên, nghiên cứu đã khảo sát ba nhóm hành vi phổ biến: (1) hành vi cá nhân như tiết kiệm điện, nước, giảm sử dụng túi nilon; (2) tham gia các hoạt động môi trường thực tế như trồng cây, thu gom rác, tuyên truyền; và (3) hành vi phân loại rác thải, tái sử dụng vật dụng. Kết quả được thể hiện qua biểu đồ dưới đây, cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa nhận thức và hành động môi trường trong cộng đồng sinh viên sư phạm.



Biểu đồ cho thấy tỷ lệ sinh viên thường xuyên thực hiện hành vi bảo vệ môi trường còn chưa cao và có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm hành vi. Hành vi mang tính cá nhân như tiết kiệm điện, nước và giảm sử dụng túi nilon được duy trì phổ biến nhất, với tỷ lệ đạt 61,8%. Đây là những hành động đơn giản, dễ thực hiện trong sinh hoạt hằng ngày và không phụ thuộc nhiều vào điều kiện bên ngoài. Trong khi đó, các hành vi đòi hỏi sự tham gia vào hoạt động thực tế như trồng cây, thu gom rác, tuyên truyền chỉ đạt 38,4%, thấp hơn đáng kể so với nhận thức tích cực mà sinh viên đã thể hiện ở phần trước.

Tỷ lệ sinh viên thường xuyên phân loại rác và tái sử dụng vật dụng đạt 42,3%, cho thấy một số hành vi bền vững vẫn chưa trở thành thói quen phổ biến trong đời sống sinh viên. Nhìn chung, biểu đồ phản ánh khoảng cách nhất định giữa

nhận thức và hành vi, đồng thời chỉ ra sự cần thiết của việc tạo điều kiện, môi trường và động lực học tập thực tiễn để thúc đẩy sinh viên hành động vì môi trường một cách thiết thực và bền vững hơn trong quá trình đào tạo.

4.3. Đánh giá tính khả thi của các giải pháp giáo dục môi trường

Dựa trên kết quả khảo sát 395 sinh viên năm nhất, các giải pháp giáo dục môi trường được đánh giá có tính khả thi cao. Giải pháp được đánh giá cao nhất là tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào các học phần chuyên ngành, với 89,1% sinh viên lựa chọn mức “Khả thi” hoặc “Rất khả thi”, điểm trung bình đạt 4,28 (trên thang Likert 5 mức độ). Điều này cho thấy sinh viên kỳ vọng được tiếp cận giáo dục môi trường một cách chính thức và có hệ thống trong chương trình đào tạo.

Nội dung	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Tích hợp GDMT vào các học phần chuyên ngành	4,28	0,61
Tổ chức hoạt động ngoại khóa, CLB môi trường cho sinh viên	4,22	0,65
Gắn nội dung môi trường vào thực tập sư phạm và trải nghiệm nghề nghiệp	4,14	0,68
Sử dụng học liệu mở và công nghệ số trong giảng dạy GDMT	4,08	0,71
Phối hợp với tổ chức ngoài nhà trường (NGO, địa phương...)	4,02	0,74

Các chức hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ môi trường (85,3%) và gắn nội dung môi trường vào thực tập sư phạm (81,7%). Các hình thức này vừa giúp sinh viên trải nghiệm thực tiễn, vừa góp phần củng cố năng lực giảng dạy tích hợp trong tương lai. Ngoài ra, sinh viên cũng đánh giá cao tính khả thi của việc sử dụng học liệu mở, công nghệ số (78,9%) và phối hợp với các tổ chức ngoài nhà trường (76,4%), tuy có một số lo ngại về điều kiện triển khai như thiếu thời gian, nhân lực hoặc cơ sở vật chất hỗ trợ.

Nhìn chung, các giải pháp được đề xuất đều nhận được sự đồng thuận cao từ phía người học, cho thấy tính phù hợp với nhu cầu thực tiễn và định hướng đổi mới đào tạo giáo viên hiện nay. Kết quả này là cơ sở quan trọng để các trường sư phạm cân nhắc đưa các giải pháp vào kế hoạch đào tạo, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường theo hướng toàn diện và bền vững.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên năm nhất các ngành sư phạm tại Trường Đại học Giáo

dục có nhận thức tích cực về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của giáo dục môi trường và phát triển bền vững trong đào tạo giáo viên. Tuy nhiên, hành vi bảo vệ môi trường còn ở mức trung bình, chủ yếu dừng lại ở các hành động cá nhân đơn lẻ, chưa có sự tham gia rộng rãi vào các hoạt động thực tiễn. Đặc biệt, kết quả khảo sát cũng khẳng định tính khả thi cao của các giải pháp giáo dục môi trường đã đề xuất, trong đó việc tích hợp nội dung vào học phần chuyên ngành, tổ chức hoạt động ngoại khóa và kết nối với thực tập sư phạm được sinh viên đánh giá rất tích cực. Từ thực tiễn khảo sát, có thể khẳng định rằng giáo dục môi trường cần được triển khai một cách hệ thống, thiết thực và gắn với thực hành trong chương trình đào tạo giáo viên, nhằm hình thành cho sinh viên không chỉ tri thức mà còn năng lực hành động và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và môi trường sống.

Từ những kết quả thu được, nhóm nghiên cứu kiến nghị cần triển khai giáo dục môi trường một cách hệ thống và thực tiễn hơn trong các cơ sở đào tạo giáo viên. Trước hết, các trường sư phạm cần xây dựng kế hoạch tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào các học phần chuyên ngành, kết hợp

tổ chức hoạt động ngoại khóa, dự án trải nghiệm và thực tập sư phạm có yếu tố môi trường. Việc phối hợp liên ngành và phát triển học liệu mở về môi trường cũng là hướng đi cần thiết nhằm hỗ trợ giảng viên trong quá trình giảng dạy.

Đối với đội ngũ giảng viên, cần chủ động cập nhật kiến thức, phương pháp và học liệu số về giáo dục phát triển bền vững, đồng thời khuyến khích sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập gắn với hành động bảo vệ môi trường. Về phía sinh viên, cần phát huy vai trò chủ động trong việc tham gia các hoạt động vì môi trường cả trong và ngoài nhà trường, rèn luyện thói quen sống xanh và năng lực tích hợp nội dung môi trường vào quá trình giảng dạy trong tương lai.

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý giáo dục cần ban hành khung năng lực sư phạm có tích hợp tiêu chí về giáo dục môi trường và phát triển bền vững, đồng thời có chính sách hỗ trợ các trường sư phạm trong việc xây dựng mô hình đào tạo gắn với các giá trị bền vững. Việc đầu tư cho giáo dục môi trường từ sớm sẽ góp phần hình thành đội ngũ giáo viên không chỉ vững về chuyên môn mà còn có trách nhiệm với cộng đồng và hành tinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Palmer, J. A. (1998). *Environmental Education in the 21st Century: Theory, Practice, Progress and Promise*. Routledge. DOI: <https://doi.org/10.4324/9780203010039>
- Sterling, S. (2001). *Sustainable Education: Re-visioning Learning and Change*. Schumacher Briefings. Green Books. <https://www.greenecomicsinstitute.org.uk/sustainable-education>
- UNESCO. (1977). *Tbilisi Declaration*. Intergovernmental Conference on Environmental Education, Tbilisi, USSR. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000032763>
- UNESCO. (2017). *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000247444>
- WCED (World Commission on Environment and Development). (1987). *Our Common Future*. Oxford University Press. DOI: <https://doi.org/10.1080/07488008808408783>
- Nguyễn Thị Hồng Minh. (2021). Giáo dục môi trường trong đào tạo giáo viên – Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 195(2), 45–52.
- Trần Văn Nam. (2022). Nhận thức và hành vi môi trường của sinh viên đại học tại Việt Nam. *Tạp chí Môi trường và Phát triển Bền vững*, 35(4), 87–95.